

Bản án số: 143/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 28 - 11 - 2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Vinh Phú

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Thanh Xuân** và bà **Trần Thị Ngọc Quyên**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thanh Huế – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trường Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 812/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị La Mỹ H**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Số B N, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt

Bị đơn: **Anh Huỳnh Ngọc D**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn và bị đơn tại các bản tự khai và biên bản hòa giải, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị La Mỹ H và anh Huỳnh Ngọc D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 23/9/2019 (Giấy chứng nhận kết hôn số 53). Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại nhà mẹ anh D tại thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế được 02 tháng thì dọn ra ở riêng, hạnh phúc được một 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị H nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020. Bản thân chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể đoàn tụ chung sống được nữa, không ai quan tâm chăm sóc gì đến nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc D.

Về con chung: Chị H và anh D có 01 người con chung tên là Huỳnh Phúc H1, sinh ngày 17/5/2019. Hiện nay cháu H1 đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H1 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn, tại bản tự ngày 04/10/2024 anh Huỳnh Ngọc D trình bày cũng đồng ý như ý kiến của chị H trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung. Sau khi kết hôn anh và chị H sống tại nhà mẹ anh được 02 tháng đầu, sau đó thì chuyển ra ngoài thuê nhà sống, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã và đã ly thân từ năm 2020 đến nay, hiện tại anh không còn tình cảm gì với chị H nữa. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: anh đồng ý giao cháu Huỳnh Phúc H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh đồng ý cấp dưỡng 01 tháng là 3.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Ngọc D có đơn xin Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 18/9/2024 của bà Võ Thị Thu T (mẹ ruột chị H) cho biết: Cuộc sống hôn nhân giữa chị La Mỹ H và anh Huỳnh Ngọc D không hề có hạnh phúc, do kết hôn sớm nên cuộc sống gặp nhiều khó khăn, lại hay cãi nhau và bạo lực gia đình. Chị H và anh D đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị H và anh D đang được Tòa án giải quyết ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh D để ổn định cuộc sống.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/9/2024 của bà Huỳnh Thị L (mẹ ruột anh D) cho biết: Cuộc sống hôn nhân giữa chị La Mỹ H và anh Huỳnh Ngọc D sau khi kết hôn hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó vợ chồng ít sống cùng nhau nên xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu về kinh tế, hay cãi vã và đã ly thân từ 04 năm nay. Nay chị H và anh D đang được Tòa án giải quyết ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H và anh D được ly hôn để ổn định cuộc sống. Đồng thời bà L đề nghị Tòa án giao cháu Huỳnh Phúc H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vì chị chăm sóc con rất tốt.

Tại biên bản xác minh ngày 26/9/2024, tổ trưởng Thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cho biết: Anh Huỳnh Ngọc D có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Về mâu thuẫn giữa chị H và anh D thì ông không rõ và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tại phiên tòa:

* *Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

* *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị La Mỹ H, cho chị H được ly hôn anh Huỳnh Ngọc D.

Về con chung: Chị H và anh D có 01 người con chung tên là Huỳnh Phúc H1, sinh ngày 17/5/2019. Hiện nay cháu H1 đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không buộc anh Huỳnh Ngọc D phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Tòa án tuyên buộc chị La Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh Ngọc D có địa chỉ tại xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nay có tranh chấp về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” nên Tòa án xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị La Mỹ H và anh Huỳnh Ngọc D tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 23/9/2019, nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Bản thân chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể đoàn tụ chung sống được nữa, không ai quan tâm chăm sóc gì đến nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc D. Về phía bị đơn anh Huỳnh Ngọc D, trong quá trình giải quyết vụ án cũng trình bày hiện tại anh không còn tình cảm gì với chị H nữa và đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị La Mỹ H và anh Huỳnh Ngọc D đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của chị La M H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Chị La Mỹ H và anh Huỳnh Ngọc D có 01 người con chung tên là Huỳnh Phúc H1, sinh ngày 17/5/2019. Hiện nay cháu H1 đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H và anh D đều có nguyện vọng giao cháu Huỳnh Phúc H1, sinh ngày 17/5/2019 cho chị L1 Mỹ Hiền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu H1 đang ở với chị H, nên cần tiếp tục giao cháu H1 cho chị

H trực tiếp nuôi dưỡng để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con.

- Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Tòa án đã giải thích cho chị H việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con. Nhưng tại phiên tòa chị H vẫn không yêu cầu và trình bày rằng hai vợ chồng chị tự thoả thuận về tiền cấp dưỡng nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thoả thuận.

Xét thấy chị H đang có công việc ổn định, có thu nhập đảm bảo cuộc sống, có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con và việc chị H không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không buộc anh Huỳnh Ngọc D phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Chị H, anh D xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị H, anh D xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

- Chị La Mỹ H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị La Mỹ H được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc D.

2. Về con chung: Chị La Mỹ H và anh Huỳnh Ngọc D có 01 người con chung tên là Huỳnh Phúc H1, sinh ngày 17/5/2019. Hiện nay cháu H1 đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao cháu Huỳnh Phúc H1, sinh ngày 17/5/2019 cho chị L1 Mỹ Hiền trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Huỳnh Ngọc D không phải cấp dưỡng cho con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có ai yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết.

4. Về án phí:

- Về án phí ly hôn: Chị La Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004741 ngày 05/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị H đã nộp đủ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND tỉnh TT. Huế
- VKSND Thành phố Huế;
- Chi cục THADS Thành phố Huế;
- UBND xã Thủy Bằng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Vinh Phú